



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, ĐỊNH GIÁ, TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ

Địa chỉ : Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT : 04. 62 670 491/492/493 * Fax : 04.62 670 494 * E-mail : vae_co@viettel.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Quận 3 - TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84) 08 222 11126 Fax: (84) 08 222 10971

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2008.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 được chuyển đổi hình thức sở hữu theo quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008468 ngày 17/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng

Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 1.434.050 cổ phần, tương ứng 51,22 % Vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.365.950 cổ phần, tương ứng 48,78 % Vốn điều lệ

Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện có địa chỉ tại số 32 Ngô Thời Nhiệm - quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng và được lưu trong danh sách các Công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước từ ngày 08/05/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập Hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện, nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt), dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập Hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Quận 3 - TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84) 08 222 11126 Fax: (84) 08 222 10971

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Kế

Chủ tịch (nghỉ hưu từ ngày 01/09/2008)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 12/09/2008)
Ông Trần Quốc Lãm	Ủy viên (Nghỉ chuyên công tác ngày 05/06/2008)
Ông Nguyễn Minh Chiến	Ủy viên
Ông Lê Văn Thu	Ủy viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Ủy viên (Kê từ ngày 23/06/2008)
Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên (Kê từ ngày 12/09/2008)

Ban Tổng giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng giám đốc
Bà Đặng Thị Khánh Bình	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2008)
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính tổng hợp kết thúc cùng ngày.

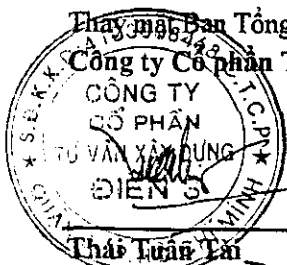
Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3



Thái Tuấn Tài

Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2009



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, ĐỊNH GIÁ, TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04.62670 491/492/493 * Fax: 04.62670 494 * E-mail: vae_co@viettel.vn * http://www.vae.com.vn

Số 15. -09/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2008 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 được lập ngày 26 tháng 02 năm 2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY).

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Tổng giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Đến thời điểm 31/12/2008 Công ty chưa có Biên bản bàn giao chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần. Theo đó, số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty có thể sẽ được điều chỉnh khi có Biên bản bàn giao chính thức;

Hạn chế trong xử lý kế toán

- Công ty thực hiện việc điều chỉnh số liệu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính 2007 vào sổ phát sinh trong năm 2008 mà chưa thực hiện điều chỉnh vào sổ đầu kỳ trên Báo cáo tài chính năm 2008.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cho năm tài chính 2008:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Cao Việt Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1231/KTV

20
ÔN
NH
TOÁN
VIỆT
GIẤY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		102.599.504.493	71.828.892.687
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.882.259.606	6.000.789.672
1 Tiền	111	V.1.	17.882.259.606	6.000.789.672
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.488.755.093	45.934.965.733
1 Phải thu của khách hàng	131		50.890.627.662	41.208.306.134
2 Trả trước cho người bán	132		5.698.583.438	4.312.712.239
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.519.674.710	935.807.940
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.620.130.717)	(521.860.580)
IV Hàng tồn kho	140		21.357.473.331	13.625.233.407
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	21.357.473.331	13.625.233.407
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		8.871.016.463	6.267.903.875
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		8.871.016.463	6.267.903.875
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		26.100.351.472	26.308.309.942
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		22.699.016.207	24.500.628.905
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	10.052.173.233	11.957.752.029
- Nguyên giá	222		30.314.796.819	29.640.920.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.262.623.586)	(17.683.168.650)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	12.335.652.694	12.231.686.596
- Nguyên giá	228		14.660.269.511	14.245.269.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.324.616.817)	(2.013.582.915)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.4.	311.190.280	311.190.280
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	720.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.5.	1.500.000.000	720.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		1.901.335.265	1.087.681.037
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	1.515.957.365	721.575.437
3. Tài sản dài hạn khác	268		385.377.900	366.105.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		128.699.855.965	98.137.202.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		93.239.617.744	69.641.794.412
I Nợ ngắn hạn	310		92.339.637.969	68.722.977.119
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		2.214.446.035	4.530.898.579
3 Người mua trả tiền trước	313		49.489.432.996	28.282.337.153
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	8.034.569.390	2.916.271.053
5 Phải trả người lao động	315		20.321.381.676	22.352.388.417
6 Chi phí phải trả	316		-	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	12.279.807.872	10.641.081.917
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II Nợ dài hạn	330		899.979.775	918.817.293
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		899.979.775	918.817.293
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		35.460.238.221	28.495.408.217
I Vốn chủ sở hữu	410	V.11.	33.903.658.157	28.495.408.217
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.915.653.031	24.925.526.887
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.361.564.721	2.361.564.721
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		251.834.609	43.498.520
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		58.241.000	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.316.364.796	1.164.818.089
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.556.580.064	-
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.556.580.064	-
2 Nguồn kinh phí	432		-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		128.699.855.965	98.137.202.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	1/1/2008
2 Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			27.000.000	27.000.000
4 Nợ khó đòi đã xử lý			874.619.150	874.619.150
5 Ngoại tệ các loại			-	-
USD			91.160,43	132.711,95
EURO			3.049,84	3.034,37

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2009

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Tổng giám đốc

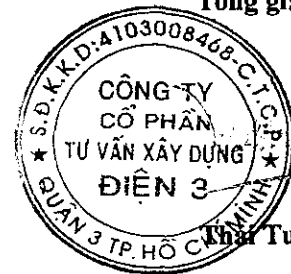
Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Khanh

Phạm Hoàng Vinh



Khair Tuấn Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2008

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Đơn vị tính: VND Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	117.701.806.198	14.291.413.421
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=10-11)	10	VI.13.	117.701.806.198	14.291.413.421
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	92.400.658.424	10.482.174.190
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.301.147.774	3.809.239.231
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	850.646.439	28.121.207
7 Chi phí tài chính	22	VI.16.	58.547.605	10.122.085
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.656.056.369	1.824.952.448
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.437.190.239	2.002.285.905
11 Thu nhập khác	31		102.392.750	1.771.502
12 Chi phí khác	32		629.168.095	386.254.505
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(526.775.345)	(384.483.003)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.910.414.894	1.617.802.902
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17.	3.437.921.896	452.984.813
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.472.492.998	1.164.818.089
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.026	467

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2009

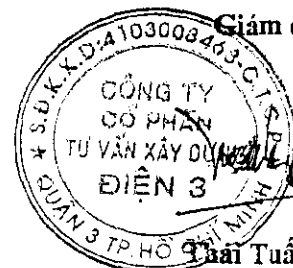
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Ngọc Khanh

Phạm Hoàng Vinh

Châu Tuấn Tài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Kỳ hoạt động từ
 01/12/2007 đến
 31/12/2007

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		11.910.414.894	1.617.802.902
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		3.965.471.223	202.155.959
- Các khoản dự phòng	3		3.098.270.137	521.860.580
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		23.266.083	(2.447.325)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(850.646.439)	(15.551.797)
- Chi phí lãi vay	6		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		18.146.775.898	2.323.820.319
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(78.750.430.958)	(5.143.391.675)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.732.239.924)	343.545.437
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		85.695.363.099	1.372.613.608
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(794.381.928)	(34.160.591)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.204.027.367)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		801.576.293	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.113.146.250)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.049.488.863	(1.137.572.902)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.215.399.285)	(949.050.258)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(780.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		850.646.439	15.551.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.144.752.846)	(933.498.461)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.904.736.017	(2.071.071.363)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.000.789.672	8.069.413.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.266.083)	2.447.325
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		17.882.259.606	6.000.789.672

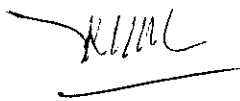
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2009

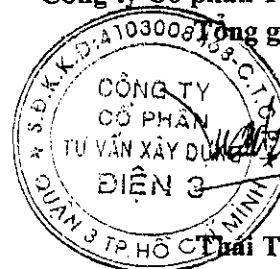
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Người lập

Kế toán trưởng

Trưởng giám đốc





Nguyễn Ngọc Khanh

Phạm Hoàng Vinh

Trần Tuấn Tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 được chuyển đổi hình thức sở hữu theo quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008468 ngày 17/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng

Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 1.434.050 cổ phần, tương ứng 51,22 % Vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.365.950 cổ phần, tương ứng 48,78 % Vốn điều lệ

Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện tại có địa chỉ số 32 Ngô

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, tư vấn xây dựng điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập Hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện, nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt), dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập Hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Quận 3 - TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84) 08 222 11126 Fax: (84) 08 222 10971

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán FMIS của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2008, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2008
(tiếp theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian sử dụng <Năm >
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 9
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính hỗ trợ và phần giá trị doanh nghiệp tăng lên khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của từng lô đất.

Loại tài sản cố định	Thời gian sử dụng <Năm >
Phần mềm máy vi tính	03
Giá trị doanh nghiệp tăng lên khi CPH	10

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2008
(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm chi phí Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hơn một năm. Công cụ dụng cụ được phân bổ đều theo Công văn số 2295/EVN-TVD3-KT ngày 29/04/2004 của Giám đốc Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3.

6. Nguyên tắc lập dự phòng trợ cấp mất việc làm

Công ty trích dự phòng trợ cấp mất việc làm bằng 3% trên lương đóng bảo hiểm.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là giá trị tăng thêm khi cổ phần hóa.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính 2007.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế các công trình điện và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2008 Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% cho dịch vụ khảo sát, thiết kế các công trình điện, 0% đối với dịch vụ rà phá bom mìn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<i>Tiền mặt (VND)</i>	260.589.916	66.814.908
Văn phòng Công ty	12.998.080	57.838.332
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện	247.545.438	8.958.494
Đoàn Tư vấn Khảo Sát Nha Trang	46.398	18.082
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	17.621.669.690	5.933.974.764
Văn phòng Công ty	16.340.166.490	5.726.481.901
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh</i>		
<i>Tiền VND</i>	6.004.085.871	1.336.883.544
<i>Tiền USD</i>	606.983.604	67.109.976
<i>Tiền EURO</i>	74.592.987	71.095.289

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Mạc Thị Bưởi

Tiền VND 6241019500 1.394.436.233

Tiền USD 555.269.116 1.699.036.311

Ngân hàng Công thương Việt Nam- Sở giao dịch II

Tiền VND 26.614.768 211.122.282

Tiền USD - 6.586.275

Quỹ hỗ trợ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Tiền VND - 306.321.043

Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình

Tiền VND 1.023.448.814 30.041.316

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh

Tiền VND 1.670.651.830 603.849.632

Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh 137.500.000 -

Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện 1.281.503.200 207.492.863

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh

Tiền VND 1.267.758.083 52.568.849

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Mạc Thị Bưởi

Tiền VND 9.402.008 150.702.408

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh

Tiền VND 4.343.109 4.221.606

Cộng **17.882.259.606** **6.000.789.672**

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Văn phòng Công ty 589.917.295 699.316.833

Phải thu khác 402.291.408 462.221.968

Phải thu về cổ phần hoá 386.031.408 297.161.408

Ban quản lý dự án nhiệt điện 3 - 33.660.632

Bưu điện huyện Tham Uyên-Lai Châu 4.000.000 4.000.000

Vụ kế hoạch-Bộ Công nghiệp 5.000.000 5.000.000

Đào Tuấn Dũng - 974.200

Nguyễn Thanh Tùng - 14.792.000

Phải thu khác 7.260.000 106.633.728

Phải trả khác (dư Nợ TK 3388) 187.625.887 237.094.865

Thuế TNCN phải thu 185.538.143 235.217.281

Bảo hiểm y tế nộp thừa 2.087.744 1.877.584

Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện 929.757.415 236.491.107

Phải trả khác (dư Nợ TK 3388) thuế TNCN cán bộ công nhân viên 929.757.415 236.491.107

Tổng cộng **1.519.674.710** **935.807.940**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

3. Hàng tồn kho	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	100.228.198	98.463.506
Văn phòng Công ty	100.228.198	98.463.506
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	1.538.462	3.089.973
Văn phòng Công ty	1.538.462	3.089.973
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	21.255.706.671	13.523.679.928
Văn phòng Công ty	9.293.792.949	10.540.998.223
<i>Công trình Thủy điện Sông Bung 2</i>	65.979.000	42.175.875
<i>Công trình Thủy điện Sông Bung 5</i>	70.964.455	-
<i>Công trình Dự án thủy điện Bán Chát</i>	1.300.697.690	692.234.834
<i>Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn 2, 3</i>	-	837.946.259
<i>Công trình Thủy điện Sông Bung 4A</i>	8.205.000	255.772.384
<i>Công trình Thủy điện Sông Bung 3A</i>	94.290.821	-
<i>Công trình Thủy điện Đắk Re</i>	286.959.998	282.935.619
<i>Công trình Dự án Thủy điện Tà Lương</i>	91.518.562	104.850.515
<i>Công trình Thủy điện Thượng Lộ</i>	248.436.707	227.656.588
<i>Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn 5</i>	-	127.137.376
<i>Công trình Thủy điện Hà Nang</i>	8.205.000	186.652.081
<i>Công trình Thủy điện Nậm Ngum 4</i>	316.947.964	-
<i>Công trình Thủy điện Dakmy 1</i>	177.550.207	-
<i>Công trình Nhà máy nhiệt điện than Nghi Sơn 1</i>	-	623.297.949
<i>Công trình Dự án nhà máy nhiệt điện O Môn 4</i>	20.569.000	332.000.000
<i>Công trình Nhà máy nhiệt điện Sơn Động</i>	405.239.311	182.971.436
<i>Công trình Nhà máy NED Nghi Sơn 2</i>	-	381.269.729
<i>Công trình Cấp điện TC NM Nhiệt điện Nghi Sơn 1</i>	72.998.477	63.946.259
<i>Công trình Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch</i>	20.569.000	329.162.547
<i>Công trình Nhà máy điện than Vĩnh Tân 3.1</i>	148.368.000	1.936.000
<i>Công trình Nhà máy điện Sóc Trăng 2</i>	103.272.181	-
<i>Công trình Đường dây 110KV Phú Lâm - Mỹ Tho</i>	-	120.110.316
<i>Công trình Đường dây 220KV Kiên Lương - Châu Đốc</i>	-	102.413.315
<i>Công trình Đường dây 220KV Kiên Lương-Châu Đốc (TVDB)</i>	-	348.564.100
<i>Công trình Đường dây 110KV Long Thành-Nhơn Trạch</i>	74.056.115	32.029.385
<i>Công trình Đường dây 500KV Phú Mỹ - Sông Mây</i>	382.245.080	239.141.442
<i>Công trình Đường dây 500KV Sông Mây - Tân Định</i>	244.493.632	58.046.852
<i>Công trình Đường dây 220KV Tân Định - Phước Long</i>	-	123.094.165
<i>Công trình Đến bù Đường dây 220KV Tân Định-Bình Long</i>	75.762.177	11.697.691
<i>Công trình Đường dây 220KV Hàm Thuận - Phan Thiết</i>	-	123.565.565
<i>Công trình Đường dây 220KV Hàm Thuận-Phan Thiết</i>	-	340.291.801
<i>Công trình Đường dây 500KV Quảng Ninh - Sóc Sơn</i>	123.640.000	10.548.974
<i>Công trình Đường dây 110kV Châu Đốc - Tri Tôn</i>	-	254.428.139
<i>Công trình Đường dây 110KV Xuân Trường-Đức Linh</i>	101.944.994	81.705.569
<i>Công trình Đường dây 200KV Tân Định-Bến Cát</i>	66.037.817	4.661.455
<i>Công trình Đường dây 500kV Phú Mỹ - Sông Mây - Tân Định, mạch 2</i>	82.732.000	37.000.000
<i>Công trình Đường dây 500kV NMD Sóc Trăng- Omôn</i>	172.448.027	1.224.600
<i>Công trình Đường dây 500kV Sông Mây - Thủ Đức Bắc & MR ngắn lộ</i>	112.811.443	30.027.143
<i>Công trình Trạm biến áp 220KV Châu Đốc</i>	121.832.258	90.908.001
<i>Công trình Trạm biến áp 220KV Cao Lãnh và đầu nối</i>	-	126.948.014
<i>Công trình Trạm biến áp 500KV Sông Mây</i>	96.719.739	16.356.888
<i>Công trình Trạm cắt 110kV Long Xuyên</i>	12.635.000	66.000.000
<i>Công trình Trạm biến áp 110kV Chợ Lách</i>	62.587.185	28.020.818
<i>Công trình Trạm 110kV Nam Chu Lai và nhánh rẽ</i>	62.768.089	35.655.726
<i>Công trình Trạm 220KV Bắc Ninh 2 và đầu nối</i>	118.221.803	-
<i>Công trình Quy hoạch lưới điện huyện đảo Phú Quốc, K/Giang</i>	-	96.493.090

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Công trình QH tiềm năng năng lượng gió khu vực miền Nam	1.172.528.614	1.119.026.252
Công trình QHPTĐL thành phố Phan Thiết	104.651.546	4.304.546
Công trình Nâng cao năng lực các TT điều độ lưới điện TT	8.424.000	183.081.341
Công trình Nhà máy điện gió Nhơn Hội	-	81.818.182
Công trình BANTVGS-Mã chi phí Ban TVGS	145.741.238	-
Các công trình khác	2.510.740.819	2.101.889.402
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện	11.961.913.722	2.982.681.705
Công trình Thủy điện Sông Bung 4	143.157.675	143.157.675
Công trình Thủy điện sông Bung 2	1.133.769.210	147.426.210
Công trình Thủy điện ASap	-	346.002.922
Công trình Thủy điện Vĩnh sơn 2&3	2.853.493.388	760.633.822
Công trình Dự án đầu tư XDCT Sông Bung 4A	498.253.541	183.361.133
Công trình Thủy điện Sông Bung 3A	244.794.599	-
Công trình Thủy điện Đắc Re	1.763.448.203	40.214.400
Công trình Thủy điện Tà lương(gđ lập DAĐTXD)	237.769.614	88.748.747
Công trình Thủy điện Thượng Lộ	456.683.676	86.509.466
Công trình Thủy điện Nậm Ngụm. 4	224.320.670	-
Công trình Thủy điện Sông Bung 3	301.112.618	843.500
Công trình Nhà máy Thủy điện Trị An-CK17	65.561.000	-
Công trình Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp	183.897.712	-
Công trình Quan trắc đùng ngang Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	66.646.000	-
Công trình Giếng quan trắc Thủy điện BuônKuốp	65.953.751	-
Công trình Thủy điện Đăk My 1	153.808.728	-
Công trình Nhà máy điện Nghi Sơn 3 (2x60MW)	-	92.760.060
Công trình Nhà máy Nhiệt điện than Sóc trăng 1(NM Long Phú 1)	-	110.881.727
Công trình Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch	-	238.851.918
Công trình NM nhiệt điện Long An 2x300MW	72.966.673	32.175.582
Công trình Địa chất Nhà máy điện Long Phú 2	178.883.955	-
Công trình Đường dây 500kv Phú Mỹ Sông Máy	104.230.500	29.178.029
Công trình Đường dây 220KV Sesan 4 Pleiku	383.674.298	-
Công trình Đường dây 220KV Vĩnh Long Trà Vinh	159.581.638	-
Công trình Đường dây 220 KV Tân định Uyên Hưng	68.801.036	13.059.000
Công trình Đường dây 220KV Trảng bàng Tây ninh& TBA	106.541.136	45.859.182
Công trình Đường dây 220KV đầu nối NMTĐ A Lưới vào lưới điện quốc gi	176.531.741	1.394.298
Công trình Đường dây 220kvđầu nối NMTĐ SB2&SB4(lậpDAĐTXDCT)	120.086.286	-
Công trình Đường dây 500KV Sóc Trăng - OMôn	264.380.056	-
Các công trình khác	1.933.566.018	621.624.034
Cộng giá gốc hàng tồn kho	21.357.473.331	13.625.233.407
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Văn phòng Công ty	311.190.280	311.190.280
Nhà điều hành Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện tại quận 2	311.190.280	311.190.280
Tổng cộng	311.190.280	311.190.280
5. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Văn phòng công ty		
Đầu tư cổ phiếu	1.500.000.000	720.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.500.000.000	720.000.000
Tổng cộng	1.500.000.000	720.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Quận 3 - TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84) 08 222 11126 Fax: (84) 08 222 10971

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2008

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND				
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2008		7.002.953.208	9.470.897.042	10.515.466.235	2.651.604.194	29.640.920.679
Mua trong năm		-	1.157.723.025	26.058.180	115.158.080	1.298.939.285
Đầu tư XD/CB hoàn thành		-	-	-	-	-
Tặng khác		-	7.686.772.371	3.280.815.530	80.253.538	11.047.841.439
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	(695.486.496)	-	(515.141.694)	(1.210.628.190)
Giảm khác		-	(7.181.460.864)	(3.280.815.530)	-	(10.462.276.394)
Số dư ngày 31/12/2008		7.002.953.208	10.438.445.078	10.541.524.415	2.331.874.118	30.314.796.819
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2008		940.878.735	6.818.037.570	7.532.532.851	2.391.719.494	17.683.168.650
Khấu hao trong năm		280.236.780	6.644.667.562	3.834.499.928	316.172.894	11.075.577.164
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	(695.486.496)	-	(515.141.694)	(1.210.628.190)
Giảm khác		-	(4.705.211.512)	(2.580.282.526)	-	(7.285.494.038)
Số dư ngày 31/12/2008		1.221.115.515	8.062.007.124	8.786.750.253	2.192.750.694	20.262.623.586
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2008		6.062.074.473	2.652.859.472	2.982.933.384	259.884.700	11.957.752.029
Tại ngày 31/12/2008		5.781.837.693	2.376.437.954	1.754.774.162	139.123.424	10.052.173.233

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008
 (tiếp theo)

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác		Đơn vị tính: VND
			TSCĐ vô hình	khác	
Cộng					
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2008	10.255.187.092	1.628.517.698	2.361.564.721		14.245.269.511
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
Tặng khác	415.000.000	-	-	-	415.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	10.670.187.092	1.628.517.698	2.361.564.721		14.660.269.511
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2008	151.206.875	1.626.219.568	236.156.472		2.013.582.915
Khấu hao trong năm	72.579.300	2.298.130	236.156.472		311.033.902
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	223.786.175	1.628.517.698	472.312.944		2.324.616.817
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2008	10.103.980.217	2.298.130	2.125.408.249		12.231.686.596
Tại ngày 31/12/2008	10.446.400.917	-	1.889.251.777		12.335.652.694

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ</i>	1.515.957.365	721.575.437
Văn phòng Công ty	1.250.615.818	535.387.118
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện	265.341.547	186.188.319
Tổng cộng	1.515.957.365	721.575.437

Đơn vị tính: VND

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2008	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2008
Thuế GTGT đầu ra	1.089.540.038	9.779.329.008	6.527.105.248	4.341.763.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	968.643.439	3.437.770.632	2.204.027.367	2.202.386.704
Thuế thu nhập cá nhân	758.758.350	2.204.798.761	1.473.138.223	1.490.418.888
Các loại thuế khác	58.027.491	501.008.554	559.036.045	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	41.301.735	4.500	41.306.235	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.916.271.053			8.034.569.390

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	10.733.938.626	8.738.519.890
Kinh phí công đoàn	790.834.804	644.464.761
Bảo hiểm xã hội	183.423.025	3.409.511
Phải trả các đội thuê ngoài	1.337.199.245	1.013.379.811
Phải trả Tập đoàn Điện lực	7.770.529.346	6.263.603.379
Trả hộ BHXH theo chế độ	48.608.982	94.529.752
Các khoản phải trả khác	603.343.224	719.132.676
<i>Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện</i>	1.545.869.246	1.902.562.027
Thuế TNCN trên lương phải trả cán bộ công nhân viên	119.065.763	75.689.607
Phải trả lương Công trình Sông Bung 2	48.769.210	48.769.210
Chi phí khoản phải trả	364.514.255	1.598.406.589
Thu 10% TNCN khoản	760.338.992	179.696.621
Kinh phí công đoàn	253.181.026	-
Tổng cộng	12.279.807.872	10.641.081.917

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

11. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2007	23.379.787.940	2.361.564.721	-	25.741.352.661
Tăng vốn trong năm trước	2.659.038.279	-	-	2.659.038.279
Lãi trong năm trước	-	-	1.164.818.089	1.164.818.089
Tăng khác	-	-	2.453.998.275	2.453.998.275
Giảm vốn trong năm trước	(1.113.299.332)	-	-	(1.113.299.332)
Giảm khác	-	-	(2.453.998.275)	(2.453.998.275)
Số dư tại ngày 31/12/2007	24.925.526.887	2.361.564.721	1.164.818.089	28.451.909.697
Tăng vốn trong năm nay	3.666.908.500	-	-	3.666.908.500
Lãi trong năm nay	-	-	8.472.492.998	8.472.492.998
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	(3.676.782.356)	-	(3.320.946.291)	(6.997.728.647)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	24.915.653.031	2.361.564.721	6.316.364.796	33.593.582.548

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	4.746.814.782	4.746.814.782
Vốn góp của các cổ đông khác	20.168.838.249	20.178.712.105
Cộng	24.915.653.031	24.925.526.887

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
Vốn góp đầu năm	24.925.526.887	24.925.526.887
Vốn góp tăng trong năm	3.666.908.500	-
Vốn góp giảm trong năm	3.676.782.356	-
Vốn góp cuối năm	24.915.653.031	24.925.526.887

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.800.000	2.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.472.492.998	1.164.818.089
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.800.000	2.800.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.026	416

f) Các quỹ của công ty

	01/01/2008	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2008
Quỹ đầu tư phát triển	43.498.520	208.336.089	-	251.834.609
Quỹ dự phòng tài chính	-	58.241.000	-	58.241.000
Tổng cộng	43.498.520	266.577.089	-	310.075.609

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 17,88% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

12. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ Khảo sát và Thiết kế	117.701.806.198	14.291.413.421
Tổng cộng	117.701.806.198	14.291.413.421

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Năm 2008
 (tiếp theo)

13. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ Khảo sát và Thiết kế	117.701.806.198	14.291.413.421
Tổng cộng	117.701.806.198	14.291.413.421
14. Giá vốn hàng bán	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	92.400.658.424	10.482.174.190
Tổng cộng	92.400.658.424	10.482.174.190
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	850.646.439	15.551.797
<i>Văn phòng Công ty</i>	832.636.426	15.551.797
<i>Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện</i>	18.010.013	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	12.569.410
<i>Văn phòng Công ty</i>	-	12.569.410
Tổng cộng	850.646.439	28.121.207
16. Chi phí tài chính	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.281.522	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	35.281.522	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.266.083	10.122.085
<i>Văn phòng Công ty</i>	23.266.083	10.122.085
Tổng cộng	58.547.605	10.122.085
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	118.654.845.387	14.321.306.130
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	106.376.552.901	12.703.503.228
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.278.292.486	1.617.802.902

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Thuế suất	28%	28%
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.437.921.896	452.984.813
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp.	3.437.921.896	-

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.324.107.794	249.023.594
Chi phí nhân công	57.420.878.231	7.514.828.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.530.384.057	202.155.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.854.364.086	2.025.801.100
Chi phí khác bằng tiền	26.562.275.063	1.963.641.624
Tổng cộng	115.692.009.231	11.955.451.118

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
		VND	VND
Doanh thu		100.131.394.065	13.402.437.509
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	14.887.478.237	3.647.243.390
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung		7.725.546.615	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc		174.841.799	-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam-Công ty Điện Lực 2	Công ty trong cùng tập đoàn	902.257.811	(6.983.706)
Ban QLDA Điện lực Miền Nam-Công ty Điện Lực 3		2.358.946.847	-
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai		1.599.690.004	-
Ban QLDA Lưới điện-Công ty Điện Lực TP.HCM	Công ty trong cùng tập đoàn	25.985.936	755.560.525
Ban QL dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân		435.570.909	-
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4		4.316.012.305	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty trong cùng tập đoàn	6.291.690.910	-
Công ty Điện lực TP. HCM		440.290.445	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế		10.570.943.295	-
Ban QLDA Đường dây và Trạm điện-Công ty TTD 4		531.019.383	-
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty trong cùng tập đoàn	8.891.398.270	7.219.665.907
Ban QLDA Nhiệt điện 2		11.881.525.011	-
Ban QLDA Thủy điện 1	Công ty trong cùng tập đoàn	-	1.761.520.484
Ban QLDA Thủy điện 3		16.433.376.911	-
Ban QLDA Thủy điện 6		6.660.354.229	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam		-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn	162.910.415	-
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi		-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Năm 2008
 (tiếp theo)

Công ty Thủy điện Thác Mơ	Công ty trong	565.454.545	
Công ty Tư vấn xây dựng điện 1	cùng tập đoàn	625.238.430	
Công ty Tư vấn xây dựng điện 2		(102.460.761)	
Công ty Thủy điện Trị An	Công ty trong	231.145.148	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	cùng tập đoàn	851.682.339	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai		38.021.046	-
Công ty Truyền tải điện 2	Công ty trong	475.391.705	-
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	cùng tập đoàn	593.753.466	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Nhiệt điện Cần Thơ		665.221.750	-
Điện Lực Kiên Giang - PC 2	Công ty trong	414.786.578	-
Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia	cùng tập đoàn	1.483.320.487	-
Công ty Truyền tải điện 3		-	25.430.909
<i>Mua hàng</i>		-	974.623.119
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty trong	-	974.623.119
	cùng tập đoàn	-	

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2008	Kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Lương, thưởng	847.389.429	62.804.226
Tổng cộng	847.389.429	62.804.226

1.3 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Các khoản phải thu		44.894.249.310	36.307.309.139
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Công ty trong	9.397.682.740	2.668.035.035
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	cùng tập đoàn	4.601.287.967	880.498.911
Ban QLDA Điện lực Miền Nam-CP 2		1.846.303.852	3.487.694.307
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Công ty trong	192.325.979	-
Công ty Truyền tải điện 2	Công ty trong	522.930.875	-
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	cùng tập đoàn	508.702.361	-
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân		479.128.000	-
Điện lực Vĩnh Long	Công ty trong	81.309.080	93.580.826
Ban QLDA Đường dây và Trạm điện-Công ty TTD 4	cùng tập đoàn	-	92.486.392
Ban QLDA Nhiệt điện 3		60.000.000	4.012.771.094
Ban QLDA Nhiệt điện 2	Công ty trong	2.550.917.833	159.067.981
Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	cùng tập đoàn	268.794.939	836.758.385
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2		-	709.859.824
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1	Công ty trong	2.293.101.119	1.805.338.846
Ban QLDA các công trình điện Đồng Nai	cùng tập đoàn	549.655.412	1.131.494.810
Công ty Truyền tải điện 3		43.132.047	111.106.047
Ban QLDA Thủy điện 3-Sông Hình	Công ty trong	16.608.737.744	16.280.710.412
Ban QLDA Thủy điện 6	cùng tập đoàn	994.552.026	994.552.026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2008

(tiếp theo)

Ban QLDA NLNT khu vực Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn	-	650.418.583
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung		1.879.179.840	1.699.978.383
Ban QLDA Lưới điện-PC 3		825.189.663	199.765.887
Công ty Điện Lực TP.HCM		12.701.664	17.152.572
Điện lực Kiên Giang - PC 2	Công ty trong cùng tập đoàn	45.626.524	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai		119.361.345	77.538.194
Điện lực Bình Phước - PC 2	Công ty trong cùng tập đoàn	20.252.637	20.252.637
Điện lực Đồng Tháp - PC 2		-	17.265.255
Điện lực An Giang	Công ty trong cùng tập đoàn	3.264.000	3.264.000
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La		14.246.200	14.246.200
Ban QLDA Thủy điện 1	Công ty trong cùng tập đoàn	-	343.472.532
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4		967.455.716	-
Các khoản phải trả		36.208.448.989	23.445.726.073
Phải trả khách hàng		-	1.072.085.431
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty trong cùng tập đoàn	-	1.072.085.431
Người mua trả tiền trước		28.437.919.643	16.110.037.263
Ban QLDA Các công trình điện miền Nam		15.720.295.586	5.935.921.339
Ban QLDA Các công trình điện miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn	4.046.586.295	1.230.388.189
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2		2.603.916.660	1.580.428.906
Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh		29.268.002	12.500.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty trong cùng tập đoàn	492.260.021	-
Ban QLDA Lưới điện TP. HCM - HCM PC		581.111.488	883.496.843
Ban QLDA Các CTĐ tỉnh Đồng Nai - ĐNPC		311.772.000	70.000.000
Ban QLDA Thủy điện 3	Công ty trong cùng tập đoàn	1.000.000.000	-
Ban QLDA Thủy điện 6		3.573.909.347	5.904.699.000
Ban QLDA Lưới điện - Cty Điện lực 3	Công ty trong cùng tập đoàn	21.800.244	-
Ban QLDA Nhiệt điện 2		57.000.000	492.602.986
Phải trả khác		7.770.529.346	6.263.603.379
Tập đoàn điện lực Việt Nam		7.770.529.346	6.263.603.379

1.4 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/12/2007 đến 31/12/2007 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2009

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Người lập



Nguyễn Ngọc Khanh

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Vinh

Tổng giám đốc



Thái Tuấn Tài